

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 01-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cầu

Bà Trần Việt Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Cù Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 Tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Ban ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

N T T, sinh ngày 15-9-2005 tại xã C Đ, huyện C T, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp V H A, xã C Đ, huyện C T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông N T T và bà Đ T T D; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-11-2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an huyện C T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đ K K – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị hại: Ông B V H, sinh năm 1976, chết ngày 16-7-2023

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà V T T T, sinh ngày 01-01-1976; nơi cư trú: Ấp V H B, xã C Đ, huyện C T, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông N H T, sinh ngày 01-01-1976 (vắng mặt)

2/ Ông N T T, sinh ngày 10-12-1978 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp V H A, xã C Đ, huyện C T, tỉnh An Giang

- *Người làm chứng:* Ông N K A, ông H T S (T), bà N T B, ông P V N (O) (tất cả vắng mặt, riêng ông S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 16-7-2023, N T T sau khi uống rượu bia đã điều khiển xe mô tô biển số 67H8 – 7680 chạy trên đường lộ giao thông nông thôn liên xã theo hướng xã V H – C Đ, khi đến khu vực Tổ 4, ấp V T, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang; do không làm chủ tay lái nên chạy lấn qua phần đường bên trái theo hướng xe chạy, đụng vào xe mô tô biển số 67C1 – 675.15 do ông B V H điều khiển chạy ngược chiều theo hướng xã C Đ – V H, phía sau có chở cháu ngoại tên L T B V, sinh năm 2018; hậu quả, ông H chết tại chỗ, T bị thương được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang; 02 xe mô tô hư hỏng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 67C1 – 675.15, nhãn hiệu: Honda, loại: Wave, màu sơn: Trắng – đen, số máy: HC12E5039245, số khung: 1212DY039217, đã qua sử dụng và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 67C1 – 675.15, mang tên N T B, đã trao trả cho bà V T T T.

- 01 xe mô tô biển số 67H8 – 7680, dáng xe: Wave, màu sơn: Xám – vàng – đen, số máy: VLF1P52FMH340101820, số khung: VFMPCH014FM001543, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 57/KL-KTHS(PY-GT) ngày 18-7-2023 của Trung tâm Pháp y – Sở y tế tỉnh An Giang; kết luận đối với B V H.

1. Các kết quả chính qua giám định: Sây sát, rách da, bầm máu từ thái dương phải đến gò má phải, kích thước (12 x 9)cm, không liên tục. Bầm máu quanh hai mắt. Nứt xương hộp sọ, vùng trán phải. 2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não. 3. Cơ chế hình thành dấu vết thương tích: Vết thương, rách da trên tử thi có đặc điểm phù hợp với đặc điểm tổn thương do vật tày có cạnh tạo nên. Vết sây sát, bầm máu trên tử thi có đặc điểm phù hợp với đặc điểm tổn thương do vật tày tạo nên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL,HD ngày 12-12-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

kết luận đối với 01 xe mô tô biển số 67C1 – 675.15, nhãn hiệu: Honda, loại: Wave, màu sơn: Trắng – đen. Các loại phụ tùng xe bị hư hỏng một phần và hư hỏng hoàn toàn cần phải sửa chữa, phục hồi, thay thế các loại phụ tùng tính trọn gói là 3.702.200 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại bà V T T T yêu cầu bị cáo T bồi thường trách nhiệm dân sự với số tiền 70.000.000 đồng và chi phí sửa xe là 3.702.200 đồng; bà T đã nhận từ gia đình T là 20.000.000 đồng, bà T yêu cầu T tiếp tục bồi thường thêm số tiền 53.702.200 đồng, đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T.

Tại cơ quan Điều tra, bị cáo T; người đại diện hợp pháp của bị hại bà T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T, ông T; người làm chứng ông K A, ông N, ông S, bà B khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Ông T trình bày: Xe mô tô biển số 67H8 – 7680 ông mua của một người đàn ông không rõ họ, tên, địa chỉ, tại huyện T S, tỉnh An Giang; cách nay khoảng 7 năm với giá 1.200.000 đồng, dùng làm phương tiện đi lại hàng ngày; khi mua xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe, chỉ làm giấy tờ mua bán tay, hiện ông đã làm mất. Ông không có yêu cầu nhận lại xe.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSCT-HS ngày 27-12-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Tài về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” Theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 260 Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo N T T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường trách nhiệm dân sự cho người đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền còn lại là 50.000.000 đồng và chi phí sửa xe là 3.702.200 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại bà V T T T khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên, yêu cầu bị cáo T bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền còn lại là 50.000.000 đồng và chi phí sửa xe là 3.702.200 đồng, về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a, b Khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 91 và Điều 101 của Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo N T T từ 02 năm 03 tháng đến 03 năm tù; đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 589 và Điều 591 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo T bồi thường trách nhiệm dân sự cho người đại diện hợp pháp của bị hại bà T theo quy định pháp luật. Áp dụng Điều 46 và Điều 47 của Bộ Luật Hình sự; Điều 106 của Bộ Luật Tổ tụng Hình sự, giao Đội cảnh sát Giao thông Trật tự – Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang 01 xe mô tô biển số 67H8 – 7680, mang tên T V K, đáng

xe: Wave, màu sơn: Xám – vàng – đen, số máy: VLF1P52FMH340101820, số khung: VFMPCH014FM001543, đã qua sử dụng; để xử lý theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trợ giúp viên pháp lý ông Đ K K trình bày: Thống nhất về tội danh đã truy tố đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt như đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố, nhưng có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo thuộc diện hộ nghèo, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức thấp nhất hình phạt như đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường trách nhiệm dân sự cho người đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền còn lại là 50.000.000 đồng và chi phí sửa xe là 3.702.200 đồng.

Bị cáo N T T nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không bào chữa bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo N T T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 16 giờ ngày 16-7-2023, trên đường lộ giao thông nông thôn liên xã theo hướng xã V H – C Đ, tại khu vực Tổ 4, ấp V T, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang; bị cáo T không có giấy phép lái xe, sau khi uống rượu bia đã điều khiển xe mô tô biển số 67H8 – 7680 chạy trên đường lộ giao thông nông thôn liên xã, do không làm chủ tay lái nên chạy lấn qua phân đường bên trái theo hướng xe

chạy, đụng vào xe mô tô biển số 67C1 – 675.15 do ông B V H điều khiển chạy ngược chiều theo hướng xã C Đ – V H, phía sau có chở cháu ngoại tên L T B V, sinh năm 2018; hậu quả, ông H chết tại chỗ, xe mô tô biển số 67C1 – 675.15 hư hỏng phải sửa chữa tổng chi phí là 3.702.200 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo N T T đã phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 260 Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm (tội phạm rất nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của con người, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Như chúng ta đều biết, tính mạng, sức khỏe là vốn quý nhất của con người, được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Bị cáo T tại thời điểm phạm tội là người chưa trưởng thành, nhưng đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có hiểu biết nhất định về pháp luật, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân dẫn đến vi phạm pháp luật. Trong vụ án này hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi vô ý, động cơ mục đích của tội phạm là điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, khi đã uống rượu, bia và không có giấy phép lái xe, chạy xe tốc độ cao; do ôm cua không sát nên bị cáo chạy lấn sang phần đường bên trái không đảm bảo an toàn, vi phạm vào khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông Đường bộ năm 2008, gây tai nạn giao thông làm bị hại ông H chết tại chỗ và xe mô tô biển số 67C1 – 675.15 hư hỏng.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

- Đối với bị cáo T tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng những quy định của Bộ Luật Hình sự về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Xét thấy: Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù là cần thiết nhằm giáo

dục rắn đe và phòng ngừa chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người đại diện hợp pháp của bị hại bà T yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự với số tiền là 70.000.000 đồng và chi phí sửa xe là 3.702.200 đồng, đã nhận trước 20.000.000 đồng, còn lại 53.702.200 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường.

Căn cứ Điều 589 và Điều 591 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì: Người đại diện hợp pháp của bị hại bà T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm và tài sản bị xâm phạm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 586, 589 và 591 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại bà T là 53.702.200 đồng.

[7] *Về vật chứng*: Đối với xe mô tô biển số 67H8 – 7680, mang tên T V K, dáng xe: Wave, màu sơn: Xám – vàng – đen, số máy: VLF1P52FMH340101820, số khung: VFMPCH014FM001543, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành không xác minh được chủ sở hữu. Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự; Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, giao Đội cảnh sát Giao thông Trật tự – Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quản lý, để thông báo truy tìm, trao trả cho chủ sở hữu tài sản; nếu không xác định được chủ sở hữu thì làm thủ tục sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] *Về các vấn đề khác*: Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật (số tiền được miễn là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.685.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 2.885.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo N T T phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ vào: Điểm a, b khoản 2 Điều 260; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo N T T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 08-11-2023.

Căn cứ vào: Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 30 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 và 591 của Bộ Luật Dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo N T T bồi thường thiệt hại thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm và tài sản bị xâm phạm cho người đại diện hợp pháp của bị hại bà V T T T với số tiền còn lại là 53.702.200đ (năm mươi ba triệu bảy trăm linh hai ngàn hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự; Điều 106 của Bộ Luật Tổ tụng Hình sự, giao Đội cảnh sát Giao thông Trật tự – Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quản lý 01 xe mô tô biển số 67H8 – 7680, mang tên T V K, dáng xe: Wave, màu sơn: Xám – vàng – đen, số máy: VLF1P52FMH340101820, số khung: VFMPCH014FM001543, đã qua sử dụng; để thông báo truy tìm, trao trả cho chủ sở hữu tài sản; nếu không xác định được chủ sở hữu thì làm thủ tục sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 136 của Bộ Luật Tổ tụng Hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; Điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo N T T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tổ tụng Hình sự.

Bị cáo N T T; người đại diện hợp pháp của bị hại bà V T T T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N T T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01-02-2024);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N H T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An

Lý Đông Hoà

Giang;

-Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;

-Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;

-Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

-Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

-Sở Tư pháp An Giang;

-Lưu văn phòng;

-Lưu hồ sơ.